

Bản án số: 58/2021/HNGĐST
Ngày: 05-11-2021
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BẾN CÁT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Nhung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thắm;
2. Ông Lương Thanh Nhân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Phương – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Quỳnh – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 174/2021/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 4 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 28/9/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 20/2021/QĐST-HNGĐ ngày 18/10/2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Thảo V, sinh năm 1986, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Ông Đỗ Hồng T, sinh năm 1982, vắng mặt không lý do.

Cùng địa chỉ: Khu phố 1B, phường C, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 29/3/2021 và lời khai trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thảo V trình bày: Bà V và ông Đỗ Hồng T chung sống với nhau từ năm 2006. Có tổ chức cưới hỏi và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện A, tỉnh B. Hôn nhân là hoàn toàn tự nguyện.

Vợ chồng chung sống hạnh phúc được 10 năm, đến năm 2016 thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông T thường xuyên uống bia rượu say xỉn, ghen tuông, đánh đập bà V. Ông T còn nhiều lần dùng hung khí (dao) đe dọa

đâm chém vợ gây ảnh hưởng nặng nề đến tâm lý của bà V và các con chung. Hiện nay cuộc sống vợ chồng giữa bà V và ông T không còn hạnh phúc, vợ chồng không còn tiếng nói chung, không ai quan tâm đến ai. Nhận thấy mâu thuẫn hôn nhân đã quá trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể tiếp tục kéo dài nên bà V yêu cầu được ly hôn với ông Đỗ Hồng T.

Về con chung: Quá trình chung sống, bà V và ông T có 02 con chung là cháu Đỗ Thị Thảo Q, sinh ngày 29/01/2008 và cháu Đỗ Bích N, sinh ngày 28/10/2010. Khi ly hôn, bà V yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Tự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Đỗ Hồng T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ tất cả các văn bản tố tụng. Tuy nhiên ông T không chấp hành theo nội dung giấy triệu tập của Tòa án, vắng mặt không có lý do, cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà V.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thảo V vắng mặt và có yêu cầu xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Đỗ Hồng T vắng mặt không lý do. Nguyên đơn bà V không có yêu cầu thay đổi, bổ sung, rút một phần hay toàn bộ nội dung khởi kiện.

Ý kiến phát biểu của vị đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa; việc chấp hành pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng là nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án là đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn vi phạm quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56, khoản 1 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thảo V khởi kiện bị đơn ông Đỗ Hồng T yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp ly hôn, nuôi con chung. Bị đơn ông Đỗ Hồng T có địa chỉ cư trú tại phường C, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Nguyên đơn đã có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Bà Nguyễn Thị Thảo V và ông Đỗ Hồng T tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2006, có tổ chức cưới hỏi và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân thị trấn Đ, huyện A, tỉnh B, là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, bà V và ông T chung sống hạnh phúc được 10 năm, đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân theo bà V trình bày là do ông T thường xuyên uống bia rượu say xỉn, ghen tuông, đánh đập bà V, nhiều lần dùng hung khí đe dọa xâm phạm tính mạng bà V gây ảnh hưởng nặng nề đến tâm lý của bà và các con chung còn nhỏ tuổi. Hiện nay cuộc sống hôn nhân giữa bà V và ông T không còn hạnh phúc, vợ chồng không còn tiếng nói chung, không ai quan tâm đến ai. Bà V cho rằng mâu thuẫn hôn nhân đã quá trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, mối quan hệ hôn nhân không thể tiếp tục kéo dài nên bà V yêu cầu được ly hôn với ông Đỗ Hồng T.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập bị đơn ông Đỗ Hồng T nhiều lần để trình bày ý kiến và tham gia phiên hòa giải đoàn tụ hôn nhân nhưng ông T cố tình vắng mặt, không có lý do, cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà V. Điều này cho thấy rằng ông T đã không còn quan tâm đến mối quan hệ hôn nhân và cuộc sống vợ chồng với bà V, không có thiện chí hòa giải đoàn tụ.

Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị Thảo V và ông Đỗ Hồng T đã đến mức trầm trọng không thể đoàn tụ được, vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc, lo lắng cho nhau khiến mục đích hôn nhân không đạt được, mối quan hệ hôn nhân không thể tiếp tục kéo dài. Do đó, cần áp dụng quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận cho bà Nguyễn Thị Thảo V được ly hôn với ông Đỗ Hồng T.

[2.2] Về con chung: 02 con chung là cháu Đỗ Thị Thảo Q, sinh ngày 29/01/2008 và cháu Đỗ Bích N, sinh ngày 28/10/2010 đều đã trên 07 tuổi. Theo tài liệu, chứng cứ đã được thu thập tại hồ sơ vụ án, cả 02 cháu đều có nguyện vọng được ở với mẹ sau khi cha mẹ ly hôn. Nên cần áp dụng quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận cho bà Nguyễn Thị Thảo V được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cả 02 con chung. Bà V không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thảo V phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 238 và Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thảo V đối với bị đơn ông Đỗ Hồng T về việc: “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung”.

Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thảo V được ly hôn với ông Đỗ Hồng T.

Về con chung: Bà Nguyễn Thị Thảo V được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Đỗ Thị Thảo Q, sinh ngày 29/01/2008 và cháu Đỗ Bích N, sinh ngày 28/10/2010. Bà V không yêu cầu ông Đỗ Hồng T cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Đỗ Hồng T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Trên cơ sở lợi ích hợp pháp của con chung dưới 18 tuổi, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và việc cấp dưỡng nuôi con chung khi có yêu cầu.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thảo V phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền số AA/2016/0054451 ngày 08/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết theo quy định của Pháp luật.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa

thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Bến Cát;
- Chi cục THADS thị xã Bến Cát;
- UBND thị trấn Đ, huyện A, tỉnh B;
- Đương sự;
- Lưu: VT, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Nhung